

## NGOẠI NGỮ VỚI BẢN NGỮ

**GIẢ THUYẾT VỀ SỰ CAN THIỆP CỦA NGÔN NGỮ MẸ ĐỂ TRONG VIỆC SỬ DỤNG CÁC HÌNH THỨC NỐI “TARA”, “BA”, “NARA” TRONG CÂU GIẢ ĐỊNH GIẢ THUYẾT VÀ GIẢ ĐỊNH PHẢN THỰC TIẾNG NHẬT CỦA SINH VIÊN VIỆT NAM**

HYPOTHESIS ON THE INTERFERENCE OF MOTHER TONGUE IN THE WAY VIETNAMESE STUDENTS USE THE CONNECTORS “TARA”, “BA”, “NARA” IN CONDITIONAL SENTENCES OF JAPANESE

NGHIÊM HỒNG VÂN  
(ThS; Đại học Hà Nội)

**Abstract:** The linking conditional sentence is one of the challenging grammatical categories to Japanese learners since they do not only share similarities in meaning but also possess their own characteristics. In addition, the inconsistency in the elementary and intermediate Japanese textbooks in terms of formation and usage has made it confusing and difficult to learners. Within the limit of a brief research, the writer analyzes and compares the similarities and contrast the differences in the basic usage of the three types of conditionals and gives some assumptions about the errors when using the Japanese conditionals terms that Vietnamese students often suffer by the Vietnamese intervention. This article aims to inspire new ideas concerning the study of conditional sentence and to enhance the effectiveness of teaching, learning and understanding Japanese conditional sentence.

**Key words:** conditional sentence; hypothesis; counterfactive; connector; Japanese; Vietnamese.

### 1. Đặt vấn đề

Một trong những phạm trù ngữ pháp được cho là gây nhiều khó khăn, trở ngại cho bất cứ người nước ngoài nào học tiếng Nhật là phân biệt các cách sử dụng của TARA, BA, TO, NARA, bốn hình thức nối được sử dụng trong câu điều kiện tiếng Nhật. Đó là bởi vì TARA, BA, TO, NARA có rất nhiều cách sử dụng phức tạp và trong đây lại có những cách sử dụng giống nhau và có thể thay thế hoàn toàn cho nhau hoặc sự thay thế là khả chấp nếu đáp ứng một số điều kiện nhất định. Sinh viên Việt Nam không phải là ngoại lệ.

Moshi ashita hare tara, sanpo ni ikimasu.

Moshi ashita harere ba, sanpo ni ikimasu.

Moshi ashita harere to, sanpo ni ikimasu.

Moshi ashita harere nara, sanpo ni ikimasu.

(Nếu ngày mai trời đẹp, tôi sẽ đi dạo.)

TARA, BA, TO, NARA bắt đầu được đưa vào giảng dạy từ nửa sau của các giáo trình tiếng Nhật

sơ cấp và phần lớn xuất hiện trong các câu phức hiển thị quan hệ điều kiện - hệ quả. Nghiêm Hồng Vân (2010) đã tổng hợp các công trình nghiên cứu các nhà Nhật ngữ học sau đây: 1) Suzuki (1994), Toyota (1985), Masuoka (1993), Hasunuma (1993) và Morita (1989) đề cập đến các cách sử dụng của TARA; 2) Hasunuma (2001) đề cập đến các cách sử dụng của BA; 3) Matsumura (1982) đề cập đến các cách sử dụng của TO; 4) Suzuki (1993, 1994), Hasunuma (2001), Morita (1989), Yokobayashi (1993) đề cập đến các cách sử dụng của NARA

Tác giả đi đến hệ thống hóa và phân loại TARA theo 7 cách sử dụng, BA theo 6 cách sử dụng, TO theo 7 cách sử dụng và NARA theo 4 cách sử dụng. Dưới đây là bảng hệ thống các cách sử dụng của TARA, BA, TO, NARA theo Nghiêm Hồng Vân (2010):

Kí hiệu : (O : có thể sử dụng ; X : không thể sử dụng)

**Bảng 1 : Phân loại cách sử dụng của “TARA” “BA” “TO” “NARA”**

Các cách sử dụng	TARA	BA	TO	NARA
Hiện thị quan hệ phi giả định, tất yếu	O	O	O	X
Hiện thị quan hệ phi giả định, tập quán	O	O	O	X

Hiện thị quan hệ giả định, giả thuyết	O	O	O	O
Hiện thị quan hệ giả định phản thực	O	O	X	O
Hiện thị quan hệ sự tình ở mệnh đề chính được phát hiện sau khi sự tình ở mệnh đề phụ được hoàn thành	O	X	O	X
Hiện thị quan hệ sự tình ở hai mệnh đề chính và phụ được thực hiện gần như là đồng thời với nhau	X	X	O	X
Hiện thị quan hệ thực thuận với hệ quả	O	X	X	X
Hiện thị quan hệ tiếp nhận sự tình ở mệnh đề phụ để đưa ra đề xuất, gợi ý ở mệnh đề chính	X	X	X	O
Hiện thị quan hệ dẫn nhập, rào đón	O	O	O	X
Hiện thị quan hệ song đôi, đối ứng về ngữ nghĩa	X	X	X	O
Hiện thị quan hệ song đôi, đồng thuận về ngữ nghĩa	X	O	X	X
Hiện thị quan hệ sự tình ở mệnh đề phụ là động cơ, nguyên có dẫn đến những hành động, phản ứng hay tác động lên sự tình ở mệnh đề chính.	X	X	O	X

Như bảng trên ta thấy TARA, BA, NARA là ba hình thức nổi được sử dụng trong câu điều kiện hiện thị quan hệ giả định, giả thuyết (dưới đây gọi là câu giả định giả thuyết) và câu điều kiện hiện thị quan hệ giả định, phản thực (dưới đây gọi là câu giả định phản thực). Câu giả định giả thuyết được hình thành như sau : xuất phát từ một tình huống hoặc từ một ngữ cảnh cụ thể, người nói nhận thấy có một sự việc nào đó có khả năng xảy ra bèn lấy nó làm giả thuyết và đưa ra một phán đoán kết quả có được từ sự việc đó. Còn ở câu giả định phản thực thì dựa vào một sự việc nào đó đã xảy ra trong thực tế, người nói giả định cho nó xảy ra khác đi (sự tình này được trình bày ở mệnh đề sau (dưới đây gọi là M2) với một điều kiện nào đó ở mệnh đề trước (dưới đây gọi là M1). Chỉ với điều kiện này thì sự tình ở M2 mới xảy ra nhưng may thay (hoặc tiếc thay) vì không có điều kiện này trong thực tế nên sự tình giả định ở M2 đã không xảy ra. TARA, BA, NARA đều được sử dụng trong cả hai loại câu giả định này. Điều này tạo ra sự khó hiểu, khiến người học tiếng Nhật thường nhầm lẫn và mắc một số lỗi khi sử dụng các hình thức nổi này. Sau đây chúng tôi sẽ xây dựng giả thuyết và phân tích các lỗi đặc trưng mà sinh viên Việt Nam dễ mắc phải khi sử dụng các hình thức nổi TARA, BA, NARA trong câu giả định giả thuyết và câu giả định phản thực.

## 2. Nhầm lẫn hình thức nổi “TARA” “BA” “NARA” trong câu giả định giả thuyết

Như trong phần đặt vấn đề đã trình bày, cả TARA, BA và NARA đều được sử dụng để liên kết M1 và M2 trong câu giả định giả thuyết. Các

yếu tố TARA, BA, NARA nói trên thực chất không đồng nhất về mặt cấu tạo. BA vốn là trợ từ được thêm vào phía sau của động từ, tính từ; khi thêm vào phần sau của động từ, tính từ thì động từ, tính từ đó phải biến đổi chút ít ở phần đuôi:

Ví dụ : (động từ) Dekiru (có thể) → Dekireba (nếu có thể)

(tính từ) Muzukashii (khó) → Muzukashikereba (nếu khó)

Hai yếu tố TARA và NARA là dạng thức biến đổi phần đuôi của động từ, tính từ và danh từ. Trong khi các động từ, tính từ và danh từ khi kết hợp với NARA gần như không phải biến đổi gì thì chúng phải biến đổi một ít ở đuôi khi kết hợp với TARA:

Ví dụ : (động từ) Kaku (viết) → Kaitara , Kakunara (nếu viết)

(tính từ) Yasui (rẻ, dễ) → Yasukattara , Yasuinara (nếu rẻ, nếu dễ)

(danh từ) Anata (bạn) → Anatadattara , Anatanara (nếu là bạn)

Cả 3 yếu tố này đều được sử dụng trong câu giả định giả thuyết và trong một số trường hợp chúng hoàn toàn có thể thay thế được cho nhau :

(1) Keiki ga kaifuku sureba, endaka ni narimasu.

(1') Keiki ga kaifuku shitara, endaka ni narimasu.

(1'') Keiki ga kaifuku surunara, endaka ni narimasu.

(Nếu kinh tế hồi phục thì đồng yên sẽ có giá trị hon.)

Tuy nhiên, cũng có trường hợp TARA, BA, NARA không thể thay thế được cho nhau. Căn cứ vào đặc trưng ngữ nghĩa ở M2 và mối quan hệ về trật tự thời gian giữa M1 và M2 mà ta có thể phân biệt được phạm vi sử dụng của TARA, BA và NARA. Dựa trên đặc trưng ngữ nghĩa cũng như

cách phân loại TARA, BA, TO và NARA đã dẫn trên đây, chúng tôi cho rằng có thể nêu ra một số đặc trưng cơ bản giúp phân biệt TARA, BA, NARA khi chúng cùng hiển thị quan hệ điều kiện giả định, giả thuyết trong bảng 2.

**Bảng 2: Hạn chế về cách sử dụng TARA, BA, NARA trong câu giả định giả thuyết**

Hình thức	Hạn chế ở M2			Hạn chế về quan hệ thời gian ở M1 và M2	
	M2 là mệnh đề trần thuật	M2 là mệnh đề thể hiện ý chí chủ quan của người nói (Ví dụ thể hiện mong muốn, mệnh lệnh, khuyên nhủ..)		Sự tình ở M1 xảy ra trước sự tình ở M2	Sự tình ở M2 xảy ra trước sự tình ở M1
		Vị ngữ là DT, TT, ĐT không hiển thị hành động, sự thay đổi	Vị ngữ là ĐT không hiển thị hành động, sự thay đổi		
TARA	O	O	O	O	X
BA	O	O	X	O	X
NARA	O	O	O	O	O

Theo đó, NARA là yếu tố được sử dụng ở phạm vi rộng nhất, không có sự ràng buộc về trật tự thời gian giữa M1 và M2, cũng như khi M2 không phải là mệnh đề trần thuật mà là mệnh đề thể hiện ý chí chủ quan rõ rệt của người nói; tiếp đến là TARA (sử dụng được trong câu giả định giả thuyết có M2 là mệnh đề trần thuật hay mệnh đề thể hiện ý chí của người nói mà không bị hạn chế bởi điều kiện gì nhưng không được sử dụng trong câu có sự tình ở M2 buộc phải được thực hiện trước M1); cuối cùng là BA (chỉ được sử dụng trong câu giả định giả thuyết có M2 là mệnh đề trần thuật hay mệnh đề thể hiện ý chí của người nói với điều kiện vị ngữ ở M2 phải là danh từ, tính từ, hoặc động từ không hiển thị hành động, sự thay đổi; không được sử dụng trong câu có sự tình ở M2 buộc phải được thực hiện trước M1).

Quan sát ví dụ (1) (1') và (1'') ở trên ta thấy (1) (1') và (1'') có M2 là mệnh đề không hiển thị ý chí của người nói nên trường hợp này TARA, BA và NARA hoàn toàn có thể thay thế được cho nhau nên cả (1) (1') và (1'') đều là những câu đúng. Tuy nhiên, hãy cùng xem ví dụ (2) (2') và (2'') dưới đây:

(2) Moshi byouinni ittara, tsuideni kitte wo katte kite kudasai.

(Chú ý: DT = danh từ, ĐT = động từ, TT = tính từ)

(2') Moshi byouinni ikunara, tsuideni kitte wo katte kite kudasai.

(2'') Moshi byouinni ikeba, tsuideni kitte wo katte kite kudasai. (\*)

(Nếu anh đi bưu điện thì nhân tiện mua tem về đây nhé.)

M2 trong (2) (2') và (2'') là mệnh đề hiển thị mệnh lệnh của người nói đối với người khác và vị ngữ là động từ "IKU (đi)" (động từ hiển thị hành động) nên ta chỉ có thể dùng TARA hoặc NARA để liên kết M1 và M2 với nhau, dẫn đến ta có (2) (2') là câu đúng, còn câu (2'') là câu sai.

Ngoài ra, mối quan hệ về mặt trật tự thời gian giữa các sự tình ở M1 và M2 cũng là yếu tố giúp phân biệt TARA, BA và NARA. TARA, BA và NARA đều được sử dụng trong câu giả định giả thuyết có sự tình ở M1 xảy ra hoặc được thực hiện trước sự tình ở M2, ví dụ (1) (1') và (1''). Tuy nhiên, chỉ có NARA mới được sử dụng trong câu giả định giả thuyết có sự tình ở M2 xảy ra hoặc được thực hiện trước sự tình ở M1, còn TARA và BA thì không. Quan sát các ví dụ (3) (3') (3'') và (4) (4') (4'') bên dưới ta thấy (3') (3'') và (4') (4'') là những câu sai vì những lí do như đã vừa phân tích.

(3) Chikaku ni chuushajou ga nainode, asobi ni kurunnara, densha ka takushii ni shitene.

(3') Chikaku ni chuushajou ga nainode, asobi ni **kitara**, densha ka takushii ni shitene. (\*)

(3'') Chikaku ni chuushajou ga nainode, asobi ni kure**ba**, densha ka takushii ni shitene. (\*)

(Gần nhà tôi không có bãi đỗ xe nào nên nếu đến chơi thì cậu đi bằng tàu hay tắc - xi nhé.)

(4) Zangyou wo suru**nara**, yashoku wo youi shite iota houga ii.

(4') Zangyou wo shi**tara**, yashoku wo youi shite iota houga ii. (\*)

(4'') Zangyou wo sure**ba**, yashoku wo youi shite iota houga ii. (\*)

(Nếu phải làm thêm giờ thì cậu nên chuẩn bị cơm tối)

Trên thực tế, trong tiếng Việt có rất nhiều phương thức biểu hiện nghĩa giả thuyết trong câu giả định giả thuyết như các cấu trúc “nếu... thì...”, “hễ... thì...”, “lỡ/ nhờ... thì”, “vạn nhờ/ vạn nhất...thì...”, “bằng như...”... nhưng cấu trúc “nếu... thì...” được sử dụng rộng rãi với tần số nhiều nhất, các ví dụ (1) (1') (1''), (2) (2') (2''), (3) (3') (3'') và (4) (4') (4'') đều có câu dịch tiếng Việt tương đương sử dụng cấu trúc “nếu... thì...”. Chính điều này kết hợp với việc khó khăn khi phân biệt TARA, BA và NARA nên người Việt học tiếng Nhật rất dễ mắc những lỗi sai như (2''), (3') (3'') và (4') (4'').

### 3. Nhầm lẫn hình thức nói “TARA” “BA” “NARA” trong câu điều kiện phản thực

Các dấu hiệu đặc trưng đánh dấu câu điều kiện phản thực trong tiếng Việt là các cặp hư từ

“Giá / giá như / giá mà ... (thì)...”, “Nếu / nếu như... thì...”, “Phải chi ....thì...”, “Ví phỏng / ví như / ví thử ... (thì)”, “Giả dụ / Giả tí / Giả thử... (thì) ...”...

(5) Giá (như) / Nếu (như) tôi lên chuyến tàu sớm nhất thì tôi đã kịp cuộc họp.

(6) Nếu (như) tôi biết đồ ăn của nhà hàng này chán như vậy, tôi đã không đến đây.

Ví dụ (5) và (6) là những ví dụ điển hình về câu giả định phản thực trong tiếng Việt và người nghe (người đọc) không cảm thấy sự khác nhau lớn nào về mặt ngữ nghĩa trong M1 của hai câu.

Trong tiếng Nhật, TARA, BA, NARA được sử dụng để đánh dấu phản thực trong câu giả định phản thực. Tuy nhiên, câu giả định phản thực tiếng Nhật còn chia nhỏ và phân biệt tính chất của từng sự tình ở M1 nên dẫn đến sự khác biệt trong việc sử

dụng hình thức nói nào để liên kết M1 và M2. Quay lại ví dụ (5), ta thấy sự tình “tôi lên chuyến tàu sớm nhất” ở M1 không đúng với sự thật mà được người nói giả định ra để thể hiện sự tiếc nuối “không kịp cuộc họp” vì thực tế đã “không lên chuyến tàu sớm nhất”, tức là M1 ở (5) có cấu trúc “M1 (phản sự thật) - M2 (phản sự thật)” và trong trường hợp này, TARA, BA và NARA đều được sử dụng để liên kết M1 và M2. Ta sẽ có (7) (7') và (7'') là câu tiếng Nhật tương đương với (5).

(7) Ichiban no densha ni not**tara**, kaigi ni maniattanoni.

(7') Ichiban no densha ni noreba, kaigi ni maniattanoni.

(7'') Ichiban no densha ni not**nara**, kaigi ni maniattanoni.

Tuy nhiên, đối với ví dụ (6) thì khác. Tuy sự tình “tôi biết đồ ăn của nhà hàng này chán như vậy” là không đúng sự thật nhưng sự tình ở tiểu cú bổ ngữ “đồ ăn của nhà hàng này chán” lại là sự thật nên trong tiếng Nhật, kiểu câu giả định phản thực hiển thị đặc trưng như vậy ở M1 được quy về cấu trúc “M1 (sự thật) - M2 (phản sự thật)”. Trong trường hợp như vậy, chỉ có NARA được sử dụng để liên kết M1 và M2, có nghĩa là ta chỉ có (8'') tương đương với (6). Các câu (8) và (8') là sai.

(8) Kono resutoran no ryouri wa konna ni mazukatt**tara**, konakatta. (\*)

(8') Kono resutoran no ryouri wa konna ni mazukere**ba**, konakatta. (\*)

(8'') Kono resutoran no ryouri wa konna ni mazui**nara**, konakatta.

Hệ thống lại cách sử dụng của TARA, BA, NARA trong câu giả định phản thực tiếng Nhật, ta được bảng 3 dưới đây:

**Bảng 3: Hạn chế về cách sử dụng TARA, BA, NARA trong câu điều kiện phản thực**

Hình thức	Sự tình ở M1 và M2	
	M1 (phản sự thật) - M2 (phản sự thật)	M1 (sự thật) - M2 (phản sự thật)
TARA	O	X
BA	O	X
NARA	O	O

Do trong tiếng Việt, kiểu quan hệ “M1 (phản sự thật) - M2 (phản sự thật)” hay “M1 (sự thật) - M2 (phản sự thật)” trong câu giả định phản thực hầu

như đều được đánh dấu bởi cấu trúc “nếu (như)... thì...” nên sinh viên Việt Nam thường ít chú ý đến sự khác biệt này dẫn đến dễ mắc phải những sai lầm tương tự như vậy. Câu (9) và (9') dưới đây là những câu sai.

(9) Douse rakudai shitara, ukenakatta. (\*)

(9') Douse rakudai sureba, ukenakatta. (\*)

(9'') Douse rakudai surunara, ukenakatta.

(Nếu biết đằng nào cũng trượt thì tôi đã không thi.)

Thiết nghĩ nếu phân biệt và nắm chắc được những hạn chế về phạm vi sử dụng của từng hình thức TARA, BA, NARA và nếu không bị bó buộc nặng nề vào cấu trúc “nếu .... thì...” trong tiếng Việt (một dạng can thiệp tiêu cực của tiếng mẹ đẻ) thì hẳn sinh viên Việt Nam sẽ tránh được những lỗi sai như các phân tích trên đây cho thấy.

#### 4. Kết luận

Trong khuôn khổ bài báo, chúng tôi nêu ra 3 giải thích về lỗi sai thường thấy của sinh viên Việt Nam khi sử dụng các hình thức nối TARA, BA, NARA trong câu giả định giả thuyết và câu giả định phản thực tiếng Nhật do sự ảnh hưởng của cấu trúc “nếu... thì...” trong tiếng Việt. Đó là các giải thích về lỗi sai:

- Sử dụng BA để liên kết M1, M2 trong câu giả định giả thuyết, trong đó M2 là mệnh đề hiển thị ý chí của người nói mà vị ngữ của M2 lại là động từ biểu hiện hành động, sự thay đổi.

- Sử dụng TARA, BA trong câu giả định giả thuyết có sự tình ở M2 xảy ra hoặc được thực hiện trước sự tình ở M1.

- Sử dụng TARA, BA trong câu giả định phản thực có đặc trưng ngữ nghĩa “M1 (sự thật) – M2 (phản sự thật)”

Có lẽ bởi câu giả định giả thuyết và câu giả định phản thực trong tiếng Việt đều sử dụng cấu trúc “nếu... thì...” làm dấu hiệu đánh dấu, cộng với sự thể rằng TARA, BA, NARA vốn đã có những cách sử dụng rất giống nhau, chòng chéo nhau nên sinh viên Việt Nam rất dễ mắc những lỗi sai như vậy. Chúng tôi hi vọng những giả thuyết và những giải thích trong bài này sẽ cung cấp cho người dạy và học tiếng Nhật cái nhìn rõ ràng hơn để phân biệt các hình thức nối TARA, BA, NARA trong câu điều kiện tiếng Nhật cũng như gợi mở những nghiên cứu mới xoay quanh vấn đề này.

## TÀI LIỆU THAM KHẢO

### Tiếng Việt

1) Nguyễn Tài Cẩn (1977), *Ngữ pháp tiếng Việt, Tiếng - từ ghép - đoản ngữ*. Nxb Đại học và trung học chuyên nghiệp.

2) Hồ Lê (1992), *Cú pháp tiếng Việt*. Nxb Khoa học Xã hội, Hà Nội.

3) Nguyễn Kim Thản (1997), *Nghiên cứu ngữ pháp tiếng Việt*, Nxb Giáo dục.

### Tiếng Nhật

1) 鈴木義和 (1993) 「ナラ条件文の意味」『日本語の条件表現』くろしお出版 .

2) ——— (1994) 「条件表現各論—バ・ト・タラ・ナラ—」『日本語学 Vol.13』明治書院.

3) 豊田豊子 (1983) 「接続助詞『と』の用法と機能 (IV) —後件の行われるきっかけを表す『と』—」『日本語学校論集 10号』

4) 日本語教育学会編 (1982) 『日本語教育辞典』大修館書店.

5) 蓮沼昭子 (1985) 「『ナラ』と『トスレバ』」『日本語教育 56号』日本語教育学会.

6) ——— (1993) 「『タラ』と『ト』の事実的用法をめぐって」、『日本語の条件表現』、くろしお出版

7) 蓮沼昭子・有田節子・前田直子 (2001) 『日本語文法 セルファスターシリーズ7条件表現』くろしお出版.

8) 益岡隆志 (1993) 「条件表現と文の概念レベル」『日本語の条件表現』くろしお出版.

9) 松村 明 (1982) 『日本文法大辞典』明治書院.

10) 森田良行・松木正恵 (1989) 『日本語表現文型』アルク.

11) 横林宙世・下田彰子 (1993) 『外国人のための日本語例文・問題シリーズ 6 接続の表現』荒竹出版.

12) Nghiem Hong Van (2010) 「ベトナム語母語話者に対する日本語条件表現の初級教授法に関する一研究」、大阪大学.

(Ban Biên tập nhận bài ngày 14-07-2014)